

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 đã được soát xét.

Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Xây lắp và Phát triển nhà số 1 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị (nay là Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Nhà và Đô thị - HUD), được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 theo Quyết định số 1636/QĐ-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103003442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 25 tháng 01 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại số 168 đường Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty con

Các Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 là Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02.

Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam ban hành ngày 29/11/2005. Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101, ngành nghề kinh doanh là đầu tư và xây dựng. Tổng vốn điều lệ là 10.600.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 chiếm 51% vốn.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02 là Công ty con được thành lập theo Quyết định số 48/QĐ-HĐQT ngày 18/09/2008 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 trên cơ sở chuyển đổi Chi nhánh của Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02 có vốn điều lệ là 25.000.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 chiếm 51% vốn điều lệ.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Dân	Chủ tịch
Ông Dương Tất Khiêm	Ủy viên
Ông Nguyễn Huy Hưng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Thắng	Ủy viên
Ông Ngô Quang Đạo	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Dương Tất Khiêm	Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Học	Phó Giám đốc
Ông Ngô Quang Đạo	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Phương	Phó Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các sự kiện sau ngày kết thúc giữa niên độ

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Dương Tất Khiêm

Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2011

Số: 482 /2011/BCSX - BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2011 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ chủ yếu được lập ngày 15/8/2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả soát xét.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2011

Bùi Thị Thúy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0580/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

Mẫu B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

TÀI SẢN		MS	TM	30/6/2011 VND	01/01/2011 VND
A-	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100			
	(100 = 110+120+130+140+150)			1.057.974.627.222	927.252.966.231
I-	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	47.321.333.799	80.137.772.081
1.	Tiền	111		41.321.333.799	60.137.772.081
2.	Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	20.000.000.000
II-	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III-	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		271.577.395.915	186.996.721.834
1.	Phải thu khách hàng	131		240.579.794.957	142.780.622.233
2.	Trả trước cho người bán	132		28.382.349.407	32.880.552.947
3.	Các khoản phải thu khác	135	5.2	2.677.327.965	11.397.623.068
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(62.076.414)	(62.076.414)
IV-	Hàng tồn kho	140	5.3	702.624.192.645	628.756.764.632
1.	Hàng tồn kho	141		702.624.192.645	628.756.764.632
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V-	Tài sản ngắn hạn khác	150		36.451.704.863	31.361.707.684
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		362.312.445	40.000.000
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.281.358.214	5.086.080.774
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		135.803.689	38.372.571
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	32.672.230.515	26.197.254.339
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		44.735.305.847	38.670.520.490
	(200=210+220+240+250+260+270)				
I-	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II-	Tài sản cố định	220		17.074.280.473	16.274.083.540
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	15.297.914.273	14.497.717.340
	<i>Nguyên giá</i>	222		30.948.679.790	28.607.247.972
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(15.650.765.517)	(14.109.530.632)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	5.6	1.776.366.200	1.776.366.200
	<i>Nguyên giá</i>	228		1.776.366.200	1.776.366.200
3.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III-	Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV-	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		15.919.741.407	5.934.494.782
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.7	919.741.407	934.494.782
1.	Đầu tư dài hạn khác	258	5.8	15.000.000.000	5.000.000.000
V-	Lợi thế thương mại	260		-	-
VI-	Tài sản dài hạn khác	270		11.741.283.967	16.461.942.168
1.	Chi phí trả trước dài hạn	271	5.9	11.494.532.630	16.239.118.055
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	5.10	246.751.337	222.824.113
	TỔNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	280		1.102.709.933.069	965.923.486.721

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

Mẫu B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2011	01/01/2011
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		940.641.501.517	804.905.784.821
I- Nợ ngắn hạn	310		901.198.575.405	724.869.126.627
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	248.771.072.999	255.560.432.729
2. Phải trả người bán	312		383.152.928.322	389.938.643.645
3. Người mua trả tiền trước	313		229.201.069.903	64.670.142.689
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	5.113.802.739	4.707.814.427
5. Phải trả người lao động	315		1.975.820.986	-
6. Chi phí phải trả	316	5.13	676.566.163	757.324.058
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	30.268.538.294	8.764.672.333
9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		2.038.775.999	470.096.746
II- Nợ dài hạn	330		39.442.926.112	80.036.658.194
1. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	39.343.694.612	79.973.031.438
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		99.231.500	63.626.756
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430+439)	400		162.068.431.552	161.017.701.900
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	143.461.141.668	141.551.293.809
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		23.300.417.000	23.410.417.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.019.569.119	1.940.721.487
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.813.523.649	1.734.676.018
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14.327.631.900	14.465.479.304
C- LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		18.607.289.884	19.466.408.091
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.102.709.933.069	965.923.486.721

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Thanh Hải

Nguyễn Huy Hưng

Dương Tất Khiêm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

Mẫu B 02a - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	402.908.157.138
2. Các khoản giảm trừ	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	402.908.157.138
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	361.204.907.394
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		41.703.249.744
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	2.994.551.262
7. Chi phí tài chính	22	5.20	3.271.088.634
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.266.270.524
8. Chi phí bán hàng	24		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.21	19.693.891.970
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		21.732.820.402
11. Thu nhập khác	31	5.22	1.291.031.600
12. Chi phí khác	32	5.23	1.300.073.029
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(9.041.429)
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(14.753.375)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		21.709.025.598
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	5.430.944.742
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		16.278.080.856
19. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		560.508.712
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		15.717.572.144
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	1.572

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Thanh Hải

Nguyễn Huy Hưng

Dương Tất Khiêm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

Mẫu B 03a - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	573.101.807.184
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(492.475.808.730)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(12.248.516.075)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(23.722.927.551)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.892.216.203)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.789.185.958
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(7.352.029.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	38.199.495.083
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.341.431.818)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(10.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.115.952.701
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.225.479.117)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	247.496.434.704
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(306.694.772.952)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(592.116.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(59.790.454.248)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(32.816.438.282)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	80.137.772.081
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	47.321.333.799

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Thanh Hải

Nguyễn Huy Hưng

Dương Tất Khiêm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Xây lắp và Phát triển Nhà số 1 thuộc Tổng Công ty Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị (nay là Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Nhà và Đô thị - HUD), được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 theo Quyết định số 1636/QĐ-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103003442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004. Theo Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 25 tháng 1 năm 2011, Công ty tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị (nay là Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị)	5.100.000	51.000.000.000	51%
Các cổ đông khác	4.900.000	49.000.000.000	49%
Cộng	10.000.000	100.000.000.000	100%

Các Công ty con

Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Thi công xây lắp các loại công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị, khu công nghiệp, thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình, hệ thống cứu hỏa, trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;
- Tư vấn, thiết kế các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, công nghiệp xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Thi công lắp đặt hệ thống thông gió, chiếu sáng, hệ thống điện, điện lạnh;
- Tư vấn, giám sát xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng và công nghiệp;

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1, các Công ty con là Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02.

Năm tài chính/kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung, chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09a - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập trên cơ sở đánh giá khả năng thu hồi công nợ của Công ty và theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản

Thời gian khấu hao (Năm)

6 tháng đầu năm 2011

Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc, thiết bị	02 - 07
Phương tiện vận tải	07
Dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình chủ yếu thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và có thời hạn của các lô đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ và dụng cụ, thiết bị thi công được phân bổ dần vào chi phí theo thời gian sử dụng của tài sản.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Vì vậy, lãi, lỗ thực tế của mỗi công trình thường chỉ được xác định đúng khi công trình đã hoàn thành, giá trị công trình đã được quyết toán và lãi, lỗ đối với phần khối lượng hoàn thành trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động kinh doanh của năm đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	10.460.762.589	9.911.017.983
Tiền gửi ngân hàng	30.860.571.210	50.226.754.098
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	20.000.000.000
Tổng	47.321.333.799	80.137.772.081

5.2 Các khoản phải thu khác

	30/6/2011	01/01/2011
	VND	VND
Cổ tức năm 2010 đã tạm ứng cho cổ đông	-	7.500.000.000
Phải thu khác	2.677.327.965	3.897.623.068
<i>Tiền đền bù tài sản hoa màu</i>	-	1.216.951.974
<i>Dự án Vân Canh</i>	-	-
<i>Phải thu khác</i>	2.677.327.965	2.680.671.094
Tổng	2.677.327.965	11.397.623.068

5.3 Hàng tồn kho

	30/6/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	11.202.727	3.454.545
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	702.612.989.918	628.753.310.087
Tổng	702.624.192.645	628.756.764.632

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	30/6/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	32.411.740.329	25.936.764.153
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	260.490.186	260.490.186
Tổng	32.672.230.515	26.197.254.339

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.5 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

Năm 2011	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<u>Nguyên giá</u>					
Tại ngày 01 tháng 01	5.521.719.410	17.123.270.193	5.111.425.007	850.833.362	28.607.247.972
Tăng trong kỳ	-	2.328.481.818	-	12.950.000	2.341.431.818
Mua trong kỳ	-	2.328.481.818	-	12.950.000	2.341.431.818
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Tại ngày 30 tháng 6	5.521.719.410	19.451.752.011	5.111.425.007	863.783.362	30.948.679.790
<u>Giá trị hao mòn lũy kế</u>					
Tại ngày 01 tháng 01	1.145.255.139	10.133.167.245	2.302.055.723	529.052.525	14.109.530.632
Tăng trong kỳ	135.611.244	1.001.184.132	341.269.049	63.170.460	1.541.234.885
Khấu hao trong kỳ	135.611.244	1.001.184.132	341.269.049	63.170.460	1.541.234.885
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Tại ngày 30 tháng 6	1.280.866.383	11.134.351.377	2.643.324.772	592.222.985	15.650.765.517
<u>Giá trị còn lại</u>					
Tại ngày 01 tháng 01	4.376.464.271	6.990.102.948	2.809.369.284	321.780.837	14.497.717.340
Tại ngày 30 tháng 6	4.240.853.027	8.317.400.634	2.468.100.235	271.560.377	15.297.914.273

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.281.355.135 đồng.

Giá trị còn lại của cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay: 7.994.165.707 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.6 Tài sản cố định vô hình

Giá trị tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất với diện tích 209m² tại thửa đất số 73-109 tờ bản đồ số 2,3 nền 1, lô 1 Bình Trưng Đông, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

5.7 Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	30/6/2011	01/01/2011
	VND	VND
Góp vốn với Công ty CP Tư vấn đầu tư và Xây dựng HUD-CIC thành lập Công ty CIC-DECOR (*)	919.741.407	934.494.782
Tổng	919.741.407	934.494.782

(*): Nghị quyết 184A/NQ-HĐQT ngày 2/2/2010 của Hội đồng Quản trị Công ty thống nhất góp vốn thành lập Công ty CP Kiến trúc và Xây dựng CIC- DECOR với số vốn điều lệ là 5 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 góp 1 tỷ đồng gồm nhà xưởng, thiết bị của xưởng mộc và trang trí nội ngoại thất (tương đương 20% vốn điều lệ).

5.8 Đầu tư dài hạn khác

	30/6/2011	01/01/2011
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển HUD8 (*)	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Đại Thiên Lộc (**)	10.000.000.000	-
Tổng	15.000.000.000	5.000.000.000

(*): Giá trị của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển HUD8. Tổng giá trị vốn góp dự kiến là 5.000.000.000 đồng tương đương với 10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển HUD8, số vốn thực tế góp đến thời điểm 31/12/2010 là 5.000.000.000 đồng.

(**): Theo Hợp đồng hợp tác Đầu tư số 02/HĐHTĐT ngày 19/5/2010 giữa Công ty CP Đầu tư và Xây dựng và Công ty TNHH Đại Thiên Lộc hợp tác đầu tư xây dựng hạ tầng và kinh doanh Dự án Trạm dừng nghỉ xe đường dài Đại Thiên Lộc. Theo hợp đồng Công ty HUD1 góp vốn kinh doanh bằng tiền mặt với số vốn góp là 30 tỷ đồng.

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND
Tại ngày 1 tháng 1	16.239.118.055
Tăng	415.252.126
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	5.159.837.551
Tại ngày 30 tháng 6	11.494.532.630

Số dư chi phí trả trước dài hạn là giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.10 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại

	30/6/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	246.751.337	222.824.113
Tổng	246.751.337	222.824.113

5.11 Vay và nợ ngắn hạn

	30/6/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay Ngân hàng	241.426.072.999	224.580.432.729
Ngân hàng DT&PT Việt Nam - CN Hà Nội	213.306.225.052	209.278.502.142
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	15.980.206.255	8.725.802.587
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh	12.139.641.692	6.576.128.000
Vay cá nhân (*)	4.345.000.000	27.980.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Thủ Thiêm (**)	3.000.000.000	3.000.000.000
Tổng	248.771.072.999	255.560.432.729

(*): Vay theo Nghị quyết số 281A ngày 06/10/2010 về việc mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và nhà ở của cán bộ, công nhân viên Công ty. Theo đó, cán bộ, công nhân viên Công ty sử dụng quyền sử dụng đất ở, nhà ở để thế chấp vay vốn Ngân hàng. Công ty ký hợp đồng vay vốn với cá nhân theo lãi suất Ngân hàng thu và sẽ chịu trách nhiệm thanh toán lãi vay hàng tháng cho Ngân hàng.

(**): Vay theo biên bản thỏa thuận số 911/BBTT-CT ngày 08 tháng 12 năm 2010 với Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Thủ Thiêm chi tiết như sau: Hạn mức tín dụng là: 5 tỷ đồng; thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký; Lãi suất: 15%/năm; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; Đảm bảo tiền vay: Cam kết sử dụng toàn bộ tài sản hình thành trong quá trình hợp tác giữa Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hud 102 và Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Thủ Thiêm theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 19/HD-HTDT ngày 14/07/2010.

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.159.177.445
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.035.638.662	2.496.910.125
Thuế thu nhập cá nhân	78.164.077	51.726.857
Tổng	5.113.802.739	4.707.814.427

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.13 Chi phí phải trả

	30/6/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí thi công hạng mục đường giao thông, cống thoát nước	676.566.163	-
Chi phí lãi vay	-	704.079.599
Trích trước 0.5% phí quản lý Tổng Công ty công trình nhà 7A	-	53.244.459
Tổng	676.566.163	757.324.058

5.14 Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/6/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	352.059.576	446.700.993
Bảo hiểm xã hội	417.738.334	108.504.059
Bảo hiểm y tế	75.579.935	53.660.915
Bảo hiểm thất nghiệp	33.587.614	14.774.654
Các khoản phải trả, phải nộp khác	29.389.572.835	8.141.031.712
<i>Phải trả các đội thi công</i>	<i>23.471.117.725</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả cổ tức</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả lãi vay</i>	<i>66.747.461</i>	<i>66.747.461</i>
<i>Phải trả nhà cung cấp khác</i>	<i>-</i>	<i>7.569.161.449</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>2.851.707.649</i>	<i>505.122.802</i>
Tổng	30.268.538.294	8.764.672.333

5.15 Vay và nợ dài hạn

	30/6/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay Ngân hàng	39.343.694.612	79.973.031.438
<i>Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam</i>	<i>14.404.857.412</i>	<i>52.954.909.249</i>
<i>- Chi nhánh Hà Nội(*)</i>		
<i>Ngân hàng Cổ phần Thương mại Đại Tín(**)</i>	<i>24.938.837.200</i>	<i>27.018.122.189</i>
Tổng	39.343.694.612	79.973.031.438

(*) Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2009/HĐTDTH ngày 03/07/2009, tổng số tiền vay theo hợp đồng là 90 tỷ đồng, khoản vay này được sử dụng cho việc đầu tư xây dựng công trình “Nhà ở thấp tầng lô BT15, LK36; LK39, LK40 và LK42 khu đô thị mới Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội”. thời hạn vay 2 năm. Lãi suất theo lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ ngày ký hợp đồng. Khoản tiền vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(**) Hợp đồng tín dụng số 00251/HĐTD/TDH-2009 ngày 15/09/2009, tổng số tiền vay theo hợp đồng là 22 tỷ đồng, thời hạn trả nợ cuối cùng 31/12/2011, thời gian giải ngân theo tiến độ dự án đến hết quý 4 năm 2010, khoản tiền vay này được sử dụng để thực hiện dự án đầu tư “tiếp nhận ủy quyền và đầu tư xây dựng công trình Nhà ở thấp tầng lô LK1, LK3 Khu đô thị mới Đông Sơn- huyện Đông Sơn- tỉnh Thanh Hóa” với lãi suất 0,875%/tháng, lãi suất này được Ngân hàng tự động điều chỉnh bằng 150% lãi suất cơ bản khi Quyết định điều chỉnh lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực nhưng không thấp hơn 0,875%/tháng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, tiền phạt chậm trả lãi được tính bằng 2%/tháng. Số tiền vay theo hợp đồng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và được Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị- HUD bảo lãnh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.16 Vốn đầu tư của Chủ sở hữu**Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/6/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tập đoàn Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	51.000.000.000	25.500.000.000
Các cổ đông khác	49.000.000.000	24.500.000.000
Tổng	100.000.000.000	50.000.000.000

Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-
Vốn góp giảm trong kỳ	
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.500.000.000

Cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: (VND/CP)</i>	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a- DN/HN

5.16 Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tiếp theo)*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2010	50.000.000.000	5.848.125.000	1.136.461.596	1.136.461.596	11.190.334.344	69.311.382.536
Tăng trong năm	50.000.000.000	17.602.292.000	804.259.891	598.214.422	14.847.310.789	83.852.077.102
Tăng vốn	50.000.000.000	17.602.292.000	-	-	-	67.602.292.000
Lãi	-	-	-	-	14.847.310.789	14.847.310.789
Trích quỹ	-	-	804.259.891	598.214.422	-	1.402.474.313
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	40.000.000	-	-	11.572.165.829	11.612.165.829
Trích quỹ	-	-	-	-	9.025.312.500	9.025.312.500
Chia cổ tức	-	-	-	-	2.546.853.329	2.546.853.329
Giảm khác	-	40.000.000	-	-	-	40.000.000
Số dư tại 31/12/2010	100.000.000.000	23.410.417.000	1.940.721.487	1.734.676.018	14.465.479.304	141.551.293.809
Số dư tại 01/01/2011	100.000.000.000	23.410.417.000	1.940.721.487	1.734.676.018	14.465.479.304	141.551.293.809
Tăng trong kỳ	-	-	1.078.847.632	1.078.847.631	15.717.572.144	17.875.267.407
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-
Lãi	-	-	-	-	15.717.572.144	15.717.572.144
Trích quỹ	-	-	1.078.847.632	1.078.847.631	-	2.157.695.263
Giảm trong kỳ	-	110.000.000	-	-	15.855.419.548	15.965.419.548
Giảm khác	-	110.000.000	-	-	1.216.951.974	1.326.951.974
Chia cổ tức	-	-	-	-	10.500.000.000	10.500.000.000
Trích quỹ	-	-	-	-	4.138.467.574	4.138.467.574
Số dư tại 30/6/2011	100.000.000.000	23.300.417.000	3.019.569.119	2.813.523.649	14.327.631.900	143.461.141.668

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND
Doanh thu xây lắp	256.073.415.494
Doanh thu kinh doanh bất động sản	145.417.751.687
Doanh thu khác	1.416.989.957
Tổng	402.908.157.138

5.18 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND
Giá vốn xây lắp	249.879.134.744
Giá vốn kinh doanh bất động sản	110.619.143.900
Giá vốn khác	706.628.750
Tổng	361.204.907.394

5.19 Doanh thu tài chính

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.994.551.262
Tổng	2.994.551.262

5.20 Chi phí tài chính

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND
Lãi tiền vay	3.266.270.524
Chiết khấu thanh toán	1.052.361
Chi phí hoạt động tài chính khác	3.765.749
Tổng	3.271.088.634

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	14.404.080.410
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	317.651.825
Chi phí khấu hao TSCĐ	685.449.760
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	477.595.602
Thuế, phí và lệ phí	241.241.537
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.046.941.151
Chi phí bằng tiền khác	1.520.931.685
Tổng	19.693.891.970

5.22 Thu nhập khác

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND
Thu nhập từ cho thuê công cụ, dụng cụ	361.839.540
Thu nhập từ thanh lý công cụ, dụng cụ	885.020.455
Thu nhập khác	44.171.605
Tổng	1.291.031.600

5.23 Chi phí khác

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND
Phân bổ giá trị của thiết bị cho thuê	107.476.969
Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ thanh lý	679.042.582
Chi phí khác	513.553.478
Tổng	1.300.073.029

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	21.723.778.973
Điều chỉnh tăng	-
Điều chỉnh giảm	-
Thuế suất áp dụng	25%
Tổng chi phí thuế TNDN kỳ hiện hành	5.430.944.742
Chi phí thuế TNDN của các năm trước	
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	5.430.944.742

5.25 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	15.717.572.144
Các khoản điều chỉnh	-
<i>Điều chỉnh cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-
<i>Điều chỉnh chênh lệch phát sinh do thanh toán cổ phiếu ưu đãi và những tác động tương tự của cổ phiếu ưu đãi đã phân loại vào vốn chủ sở hữu</i>	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.717.572.144
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.572

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

6.2 Nợ tiềm tàng

Theo quy định của Hợp đồng 286 ngày 24/12/2008 về thanh toán giá trị dự án Vân Canh, dự án Việt Hưng, Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị sẽ tính thu lãi chậm trả trên số tiền vốn thi công, tuy nhiên do các Dự án nêu trên chưa được Tập đoàn phê duyệt phương án bán nhà nên chưa thu hồi được vốn để thanh toán cho Tập đoàn. Khoản lãi vay phải trả theo đó sẽ phụ thuộc vào quyết định điều chỉnh của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN/HN

6.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
Giao dịch bán hàng			
Tập đoàn Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	Công ty mẹ	Thi công xây dựng	120.514.697.463
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	Cùng Tập đoàn	Thi công xây dựng	6.617.652.727
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà & Đô thị số 9	Cùng Tập đoàn	Thi công xây dựng	1.771.090.000
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	Cùng Tập đoàn	Thi công xây dựng	7.117.337.273

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Các khoản phải thu				
Tập đoàn Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	Công ty mẹ	Phải thu KH	-	-
		Phải thu khác	8.456.121	8.456.121
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà HUD4	Cùng Tập đoàn	Phải thu KH	-	4.878.898
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD6	Cùng Tập đoàn	Phải thu KH	2.345.591.940	2.345.591.940
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà & Đô thị số 9	Cùng Tập đoàn	Phải thu KH	3.187.524.762	3.328.230.531
Công ty Cổ phần Đầu tư Tam Đảo	Cùng Tập đoàn	Phải thu KH	2.954.490.411	8.001.859.880
Các khoản phải trả				
		Tính chất giao dịch	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
	Công ty mẹ	Khách hàng ứng trước	544.221.902	913.396.001
Tập đoàn Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị		Phải trả người bán	163.534.727.019	173.534.727.019
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD - CIC	Cùng Tập đoàn	Phải trả người bán	467.836.000	467.836.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà HUD4	Cùng Tập đoàn	Phải trả người bán	-	36.363.636
Công ty CP Đầu tư & Phát triển BDS HUDLAND	Cùng Tập đoàn	Khách hàng ứng trước	2.702.489.450	2.130.906.850
Cty CP Đầu tư Phát triển Nhà và đô thị Nha Trang	Cùng Tập đoàn	Khách hàng ứng trước	1.775.860.000	1.775.860.000
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	Cùng Tập đoàn	Khách hàng ứng trước	6.945.510.077	16.504.119.077

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09a - DN/HN****6.4 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2011

Người lập**Kế toán trưởng****Giám đốc****Lê Thanh Hải****Nguyễn Huy Hưng****Dương Tất Khiêm**